

# VÀI SUY NGHĨ VỀ TRUYỀN THỐNG KINH TẾ MIỀN NÚI

HOÀNG NAM

Rừng vàng biển bạc" - câu nói dân gian là sự tổng kết kinh nghiệm ngàn đời làm ăn của người dân. Rừng phải có cây mới thành rừng. Rừng tự nhiên đã là "vàng", Rừng trồng càng nhiều hơn.

Rái rừng là hai khái niệm. Dân gian ta ghép núi với rừng - NÚI RỪNG và ghép rừng với núi - RỪNG NÚI. Điều này nói lên một lẽ tự nhiên, một chân lý khách quan, một kinh nghiệm làm ăn, một nguyên tắc tối ưu của nghề nông ở trên núi, là, trên núi nên trồng rừng và rừng phổ biến là rừng ở trên núi - tức là ở nơi đất khô. Quả thật vậy, đồng, tây, kim, cò, trên thế gian này đâu đâu cũng có và rừng cò, rừng đẹp, rừng nguyên thủy, rừng nhiều nhất là rừng trên đất khô; đâu đâu cũng có và trên núi thường được khai thác để trồng trọt những cây trồng ưa khô cạn, như trồng rừng.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, cũng là hàng nghìn năm con người khai phá đất đai để sản xuất nông nghiệp. Đất đai bao gồm đất bằng và đất dốc tức là núi. Đất bằng, lưu vực các dòng sông lớn từ thượng du đến hạ du là nơi tụ hội của con người, là đối tượng để con người khai phá và đã trở thành những trung tâm văn minh lớn của nhân loại như văn minh Lương hà, văn minh sông Ấn, sông Hằng, văn minh sông Hoàng hà, văn minh sông Hồng v. v. .

Đối với lưu vực các dòng sông, miền đất núi, trải qua một thời gian rất dài vẫn là nơi "hoang vu", ít người đến cư trú, ít được khai phá và do đó cũng không có những trung tâm văn minh nổi tiếng như đất bằng.

Để sống, con người "trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ nữa . . ." (1). Đối tượng lao động của người nông dân là đất đai, cả đất đồng bằng và đất miền núi. Những hạn chế có tính lịch sử làm cho con người nói chung, trong đó có cư dân sống ở nước ta, chưa tạo ra được những trung tâm văn minh lớn ở trên đồi núi, phải chăng là do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp, "biểu lộ ra rõ nhất là ở trình độ phát triển của sự phân công lao động" (2).

Trong phân công lao động quan trọng đối với người nông dân là bước tiến từ sản xuất để TỰ TÚC tiêu thụ để BÁN. Đây không phải đơn thuần là sự mở rộng về số lượng của cái, mà là sự phát triển về CHẤT. Cái CHẤT thể hiện ở TRÍ TUỆ, ở nhận thức được nhu cầu khách quan và tìm ra

được cách thức dễ đáp ứng nhu cầu khách quan đó. Cái chất còn thể hiện ở hậu quả tất yếu củ  
đó là sự **LIÊN KẾT** kinh tế giữa người bán hàng và người mua hàng, giữa vùng này với vùng  
giữa các dân tộc với nhau.

Từ cách đặt vấn đề trên ta nhìn lại truyền thống sản xuất của miền núi nước ta - một vùng  
chiếm 3/4 diện tích cả nước và có nhiều dân tộc cùng sinh sống.

Tất cả đồng bào các dân tộc miền núi đều sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp - cơ bản họ  
trọt và chăn nuôi. Về trồng trọt, họ trồng cây lương thực, cây rau xanh, cây ăn quả và cây  
nghiệp. Kỹ thuật trồng trọt, như làm đất, thời vụ, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến . .  
chung có nét đạt đỉnh cao của thời kỳ tiền tư bản. Về chăn nuôi, họ nuôi gia cầm và gia súc. Tập  
chăn nuôi thể hiện sự quan tâm và trình độ kỹ thuật chưa cao.

Miền núi chỉ trồng cây lương thực, xưa nay chưa bao giờ "phất" lên được. Trong bài này, tôi  
bày về một loại cây trồng của đồng bào một số dân tộc ở miền núi. Đó là **CÂY CÔNG NGHIỆP**.

Trồng cây công nghiệp, nhất là các loại cây công nghiệp lâu năm là một công thức khai phá  
đồi núi hợp lý. Hình thức khai phá này đã được kiểm nghiệm qua thời gian và trong không gian. T  
cách khai phá có hiệu quả kinh tế cao, ổn định được môi trường sinh thái, ổn định được nguồn n  
ổn định được khí hậu v. v. .

Cây công nghiệp lâu năm trước tiên tôi muốn nói ở đây là cây **HỒI**. Sản phẩm của cây hồi là  
hồi. Quả hồi có 8 cánh xòe trông như một bông hoa, nên ta quen gọi là hoa hồi. Từ quả hồi, trun  
lấy tinh dầu, gọi là dầu hồi.

Vùng hồi điển hình là Lạng Sơn. Ở đây cây hồi được đồng bào trồng rộng rãi. Đã từ lâu làm  
hồi, rừng hồi là vốn tài sản cố định của từng gia đình đồng bào Tày, Nùng. Trong phân chia t  
thừa kế, phần rừng hồi cũng được tính như là phần ruộng vậy. Các dân tộc - chủ nhân của cây  
năm vững tất cả các khâu kỹ thuật từ chọn đất gieo hạt, ươm cây con, đánh cây con di trồng, c  
sóc, thu hoạch quả, bảo quản, chế biến thành tinh dầu v. v. .

Hàng năm, sau vụ cấy và làm cỏ cho lúa nước xong, trong khi chờ đợi cây lúa được gặt đồng  
thu hoạch hồi. Quả hồi hái về đem phơi nắng. Mùa hè nắng to, được nắng từ 7 đến 10 ngày thì  
hồi khô lại, có màu vàng, đẹp, có thể bảo quản lâu dài. Hồi khô có thể đem bán hoặc trưng cất t  
tinh dầu. Trường hợp không gặp nắng, không phơi được, quả hồi tươi thường được đem trun  
lấy tinh dầu ngay. Mỗi năm đến mùa hồi, mùi tinh dầu hồi thoang thoảng thơm bay khắp thung  
trong tỉnh Lạng Sơn. Lúc đó khách buôn hồi cũng nườm nượp như trầy hội khắp các ngã đư  
khắp các bản làng thôn quê. Từ Lạng Sơn sản phẩm hồi được đưa đi các nơi như Hà Nội, Hải Ph  
thành phố Hồ Chí Minh . . và hầu như chủ yếu là xuất khẩu ra nước ngoài.

Cây hồi là một nguồn kinh tế hàng hóa của đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn. Hàng trăm  
nay, cây lương thực tại chỗ không đủ ăn, song nhờ có cây hồi người Lạng Sơn có được cuộc sống  
no, có được một thị xã nhộn nhịp không khí buôn bán với sự thương trực của khách trong và n  
nước.

Ở miền núi còn một loại cây công nghiệp thứ hai có giá trị kinh tế hàng hóa cao. Đó là cây QUẾ. Ở cây hồi, cây quế "dễ tính" hơn. Chúng mọc ở một không gian rộng. Những vùng có quế nổi như Quảng Ninh, Hoàng Liên Sơn, Quảng Nam - Đà Nẵng v. v. . .

Hàng phẩm quế là vỏ quế và tinh dầu quế cũng là loại hàng hóa "đói" tìm ở thị trường trong nước nước ngoài. Quế Hoàng Liên Sơn xuôi về Hà Nội, nhưng ngược lên Lào Cai, sang Trung Quốc rất nhiều. Quế Quảng Ninh cũng vậy, vừa bán ở trong nước vừa bán ra nước ngoài.

Cây quế đang có triển vọng lớn. Nhờ quế mà đồng bào Dao (Viễn Sơn) (Hoàng Liên Sơn) dần phương thức làm ăn, dần dần từng bước nâng cao đời sống mọi mặt như văn hóa, giáo dục, y tế. Giá trị xuất khẩu, cây quế có thể tạo ra nguồn thu ngoại tệ mạnh, không chỉ đủ để cho người trồng mà còn có khả năng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa ở phạm vi rộng lớn hơn.

Những cây trồng tôi vừa trình bày trên đây hoàn toàn không phải là mới. Nó là những cây trồng truyền thống của đồng bào. Các nhà dân tộc học, các nhà kinh tế đều biết đến nó, song hầu như chưa ai để ý đến nó như một truyền thống kinh tế hết sức quý báu, một ưu thế lớn của miền núi. Khi để ý đến kinh tế miền núi nhiều người tập trung sự chú ý vào các cây lương thực như cây lúa nương, cũng như khai thác ý nghĩa kinh tế của các cây lâm sản sẵn có trong rừng và cây ăn quả. Từ đó những ý kiến đề xuất xung quanh vấn đề định canh định cư đều dồn sự nỗ lực vào khai thác và phát huy truyền thống các cây lương thực và cây ăn quả.

Thiết nghĩ rằng, những cây công nghiệp nêu trên, khi trở thành kinh tế hàng hóa, là nhân tố mới có tầm quan trọng trong truyền thống kinh tế miền núi. Những cây công nghiệp này đã có một quá trình phát triển, đang có một hiện tượng phát triển trên trọng nâng niu, chắc chắn sẽ có một tương lai huy hoàng, góp phần phát triển kinh tế miền núi đúng với thế mạnh độc đáo của nó.

Trồng cây công nghiệp là một công thức khai thác đất đai miền núi có hiệu quả nhiều mặt là phát huy truyền thống kinh tế dân tộc, là biến đất đồi thành "rừng liền". Đó cũng là thực hiện một ước mơ, một lời dạy bảo của Bác Hồ kính yêu đối với miền núi.

## CHÚ THÍCH

. Mác, Angghen, tuyển tập 1-1980 tr. 286

. Mác, Angghen, tuyển tập 1, 1980 tr. 270

## KHOA LỊCH SỬ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI

Đến năm 1991, qua 35 năm, khoa Lịch sử trường Đại học Tổng hợp Hà nội có 72 cán bộ, nhân viên, trong đó có 4 giáo sư II, 4 giáo sư I, 16 tiến sĩ, phó tiến sĩ và nhiều cán bộ lâu năm giàu kinh nghiệm, làm việc trong 8 tổ bộ môn: Lịch sử Cổ - Trung đại Việt Nam, Lịch sử Cận Hiện đại Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam, Lịch sử thế giới, Dân tộc học, Khảo cổ học, Lưu trữ lịch sử, Phương pháp luận sử học và hai trung tâm : Lịch sử văn hóa Việt Nam, Thông tin tư liệu.

Đã đào tạo hơn 2000 cán bộ sử học, cho các nước như Liên Xô, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Mông Cổ, Triều Tiên, Indonexia, Yêmen, Hà Lan, Mỹ, Nhật Bản, Palextin... cho các cơ quan T. các địa phương. Đã có khoảng 1000 công trình khoa học được công bố.

Đang đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học, đi vào nhiều vấn đề lịch sử kinh tế-xã hội, nhà nước pháp quyền, văn hóa tư tưởng, quan hệ quốc tế... với các hình thức đào tạo: chính qui, tại chức, mở rộng, bồi dưỡng kiến thức ngắn hạn, cao học...

Các chuyên ngành đào tạo nghiên cứu sinh của Khoa lịch sử: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới cận hiện đại, Khảo cổ, Dân tộc, Phương pháp luận và Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Đã có quan hệ hợp tác nghiên cứu khoa học, đào tạo và trao đổi cán bộ với các trường đại học và Viện nghiên cứu của nhiều nước như: Đại học Tổng hợp quốc gia mang tên Lômônôxốp, trường Đại học Lưu trữ Lịch sử Matxcova, trường Đại học mang tên Lumumba (Liên Xô), trường Đại học Humbôn, Pátxao (Đức), trường Đại học Amxiécđam (Hà Lan), Paris 7 (Pháp) và một số trường học, trung tâm nghiên cứu của các nước khác như Mỹ, Canada, Úc, Nhật Bản...

## 1990 - SÁCH MỚI

- Văn Tấn. *Triết học lịch sử*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1990.
- Đàng Hồng. *Lịch sử sử học thế giới*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1990.
- Dương Ninh. *Vương quốc Thái Lan, lịch sử và Hiện tại*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1990.
- Trịnh Nhu. *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Đại học, 1990.
- Nguyễn Gia Phú, Trịnh Nhu. *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, T. 2, NXB Đại học, 1990.
- Ngọc Thắng. *Nghệ thuật trang trí Thái*. Văn hóa dân tộc 1990
- Ngọc Thắng, Lâm Bá Năm. *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Văn hóa dân tộc, 1990.
- Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, Vũ Minh Giang, Nguyễn Quang Ngọc. *Trên đất Nghĩa Bình*, Nghĩa Bình.
- Thị Phụng. *Lịch sử nhà nước và pháp luật*, KHXH, 1990.
- Đào Xuân Chúc, Nguyễn Văn Hàm, Vương Đình Quyền (chủ biên) và Nguyễn Văn Thâm. *Hiện và thực tiễn công tác lưu trữ*, NXB Đại học, 1990.
- Kiều Xuân Bá, Lê Ngọc, Lê Mậu Hãn (chủ biên). *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tập)*, VTHCN, 1990.
- Phạm Xanh. *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam 1921 - 1924*. Thông tin lý luận, 1990.
- Đinh Xuân Lâm, Đỗ Quang Hưng. *Chủ tịch Hồ Chí Minh hoạt động bí mật ở nước ngoài*, Công an nhân dân, 1990.
- Đỗ Quang Hưng (chủ biên), Phùng Hữu Phú, Bùi Đình Phong, Hồ Thức Hòa. *Bác Hồ với cấp công nhân và công đoàn Việt Nam*. Lịch sử - Hiện tại, NXB Lao động, 1990.
- Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Thanh Tinh, Bùi Đình Phong, Nguyễn Thị Hiệp. *Bác Hồ với công nhân Da, Hà nội*, 1990.
- Đỗ Quang Hưng. *Công hội đỏ Việt nam*, NXB Lao động, 1990.

## NHỮNG BÁO CÁO KHOA HỌC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG TRONG TẠP CHÍ KHOA HỌC

1. Nguyễn Văn Khánh - Những yếu tố nào đã góp phần tạo nên bước ngoặt tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc.
2. Đinh Xuân Lý - Yêu nước yêu dân - nguồn gốc sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
3. Đinh Xuân Lâm, Phạm Quang Minh - Nguyễn Ái Quốc với châu Phi.
4. Phạm Xanh - Hồ Chí Minh - Những cuộc tiếp xúc với người Mỹ ở Côn Minh.
5. Ngô Huy Cát - Suy nghĩ về giảng dạy nội dung vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong thời dựng Đảng cho sinh viên.
6. Hoàng Hồng - Vị trí của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lịch sử sử học Việt Nam.
7. Trần Bá Chí - Thơ Bác, một phần của tâm hồn dân tộc.
8. Lưu Văn Kiều (Ban TTVHTU) - Mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong tư tưởng của Hồ Chí Minh.
9. Hoàng Bá Sách - Đọc lại Nghị quyết 15 của BCH TƯ (1-1959)
10. Lê Ngọc Thám - Hồ Chí Minh và tuổi trẻ dân tộc.
11. Nguyễn Huy Quí. Hồ Chí Minh một hiện tượng lịch sử